

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 30 – 7 – 2025.

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Đức.

2. Ông Trịnh Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị X, sinh ngày 17/4/1958; ĐKTT: Thôn N, xã C, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: số nhà A, Tổ C, khu C, xã X, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 033158011934.

- Bị đơn: Ông Phạm Thế K, sinh ngày 01/02/1940; Địa chỉ: Thôn N, xã C, thành phố Hải Phòng; Căn cước công dân số 030040000992.

(Bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông K vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Tạ Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Bà Tạ Thị X và ông Phạm Thế K tự nguyện kết hôn với nhau năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) ngày 02/7/2020. Sau khi kết hôn, bà và ông K chung sống với nhau tại nhà của ông K ở thôn N, xã C. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

bà và ông K bất đồng quan điểm sống, ông K không tôn trọng bà, vợ chồng không chia sẻ, quan tâm, chăm sóc nhau. Từ tháng 02/2024, bà không còn chung sống với ông K, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cho đến nay. Nay bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông K nên bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K để các bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông K không có con chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Bà và ông K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập ông Phạm Thế K đến Tòa làm việc nhưng ông K vắng mặt, đồng thời ông cũng không có văn bản ghi ý kiến thể hiện quan điểm của ông đối với yêu cầu của bà X.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã C và các đoàn thể xã, trưởng thôn N thể hiện: Ông Phạm Thế K và bà Tạ Thị X có đăng ký thường trú tại địa phương. Năm 2020, ông K và bà X tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/7/2020. Trước khi kết hôn với bà X, ông K đã có vợ và 03 người con, vợ cả của ông đã chết, 03 người con của ông K đã trưởng thành, người sống một nơi. Sau khi kết hôn, bà X và ông K chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K tuổi cao, tính cách thất thường nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Năm 2024, bà X đã bỏ về quê sinh sống và không còn chung sống với ông K. Sau khi bà X đi, ông K sống một mình đến khoảng cuối tháng 4/2025, ông K vào miền N sống cùng con riêng của ông cho đến nay. Ông K và bà X không có con chung. Nay bà X có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà X để các bên sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà X vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu ly hôn với ông K. Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà X, xử cho bà X được ly hôn với ông K. Miễn nộp án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà X theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông Phạm Thế K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Tạ Thị X và ông Phạm Thế K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/7/2020 nên hôn nhân giữa bà X và ông K là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng mâu thuẫn nên bà X yêu cầu ly hôn với ông K. Trên cơ sở lời trình bày của bà X thể hiện cuộc sống giữa bà và ông K không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bà đã về quê nhà tại Hưng Yên, sau đó đi làm ở Hà Nội và không còn chung sống với ông K từ tháng 02/2024 cho đến nay. Đối với ông K, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K, triệu tập nhưng ông không đến Tòa án để làm việc cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu của bà X. Tuy nhiên, trên cơ sở xác minh tại địa phương cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà X và ông K có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ông, bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2024. Ông K đã vào miền N chung sống với con riêng của ông. Điều này chứng tỏ lời trình bày của bà X về mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà và ông K là có cơ sở. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà X, xử cho bà X được ly hôn với ông K.

[3] Về con chung: Bà X và ông K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Tạ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng do bà X là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí sơ thẩm cho bà X theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị X. Xử cho bà Tạ Thị X được ly hôn với ông Phạm Thế K.

2. Về án phí: Bà Tạ Thị X được miễn nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 – Hải Phòng;
- UBND xã Chí Minh, TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như